TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 22/2023/QĐST-HNGĐ	*A, ngày 03 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 43/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" giữa:

Nguyên đơn: Chị **P. T. T. L** – Sinh năm: 1987; nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện A, tỉnh B.

Bị đơn: Anh **L. N. P** – Sinh năm: 1983; nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện A, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 317 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 02 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 02 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị P. T. T. L và anh L. N. P.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị P. T. T. L và anh L. N. P thuận tình ly hôn.

2.2. Về quan hệ con chung: Chị P. T. T. L và anh L. N. P thống nhất có 02 con chung chưa thành niên tên: L. T. Q. H, sinh ngày 26/7/2007 và L. N. H, sinh ngày 19/11/2019. Khi ly hôn, chị L và anh P thống nhất giao 02 cháu L. T. Q. H và L. N. H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai

được ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi. Vì lợi ích của con, đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng sau khi ly hôn.

2.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Chị P. T. T. L và anh L. N. P không tranh chấp nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2.4. Án phí HNST: Chị P. T. T. L tự nguyện chịu 150.000^{đ} (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định của pháp luật, được trừ vào 300.000^{đ} (ba trăm nghìn đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu số 0011844 ngày 23/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Chi cục Thi hành án dân sự huyện A hoàn trả lại chị L 150.000^{đ} (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng nêu trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã C, huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

THẨM PHÁN

Phan Lê Lân